



## BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

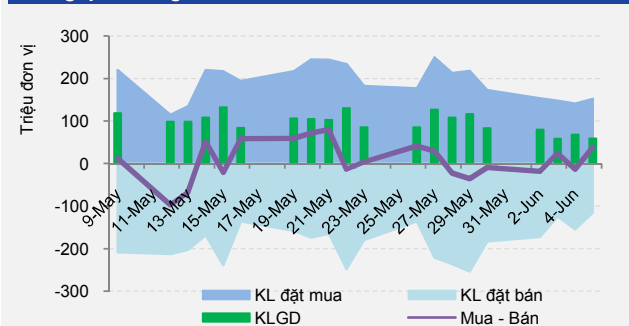
Phiên giao dịch ngày:

5/6/2014

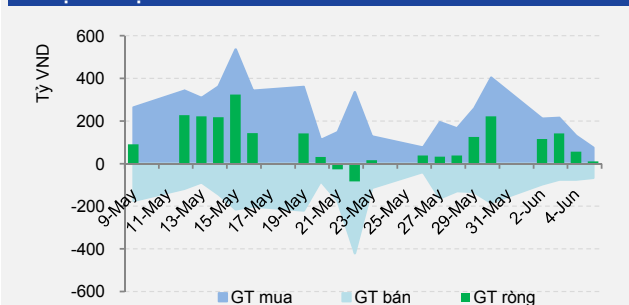
| Thông kê thị trường | HOSE        | HNX        |
|---------------------|-------------|------------|
| Index               | 551.1       | 74.5       |
| % Thay đổi          | ↓ -0.4%     | ↑ 0.8%     |
| KLGD (CP)           | 59,225,435  | 33,718,145 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 815.11      | 297.65     |
| Tổng cung (CP)      | 114,444,270 | 53,797,700 |
| Tổng cầu (CP)       | 152,513,810 | 71,027,800 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE      | HNX       |
|-------------------|-----------|-----------|
| KL bán (CP)       | 2,471,690 | 456,253   |
| KL mua (CP)       | 3,110,690 | 1,242,200 |
| GTmua (tỷ đồng)   | 75.50     | 18.36     |
| GT bán (tỷ đồng)  | 65.76     | 4.23      |
| GT ròng (tỷ đồng) | 9.74      | 14.12     |

## Tương quan cung cầu



## Giá trị Giao dịch NĐTNN



| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E  | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -0.42%   | 7.5  | 1.7 | 2.1%  |
| Công nghiệp         | ↑ 0.91%    | 29.7 | 1.2 | 21.7% |
| Dầu khí             | ↓ -0.97%   | 7.0  | 1.9 | 2.3%  |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↓ -0.12%   | 18.1 | 1.9 | 3.3%  |
| Dược phẩm và Y tế   | ↑ 0.07%    | 12.0 | 3.0 | 1.0%  |
| Hàng Tiêu dùng      | ↓ -0.51%   | 12.1 | 4.3 | 11.3% |
| Ngân hàng           | ↓ -0.61%   | 8.4  | 1.2 | 4.2%  |
| Nguyên vật liệu     | ↓ -0.10%   | 12.3 | 2.1 | 7.8%  |
| Tài chính           | ↑ 0.57%    | 11.2 | 2.1 | 43.4% |
| Tiền ích Cộng đồng  | ↓ -0.90%   | 26.3 | 4.7 | 3.0%  |
| VN - Index          | ↓ -0.43%   | 13.5 | 3.0 | 73.3% |
| HNX - Index         | ↑ 0.81%    | 16.9 | 1.6 | 26.7% |

| Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE |         |      |        |      |
|-------------------------------------------|---------|------|--------|------|
|                                           | Mua     | %    | Bán    | %    |
| KLGD (CP)                                 | 342,820 | 0.5% | 82,630 | 0.1% |
| GTGD (tỷ VND)                             | 13,239  | 1.4% | 2,811  | 0.3% |

## KỶ VỌNG KHẢ NĂNG MỜ ROOM THỬ NGHIỆM ĐỐI VỚI CTCK - CỔ PHIẾU ĐẦU CƠ TĂNG ĐIỂM

**Nhận định:** Thị trường giao dịch ảm đạm trong phiên giao dịch sáng, sôi động hơn trong phiên chiều, khi xuất hiện tin đồn UBCKNN có thể sớm áp dụng thử nghiệm tăng giới hạn sở hữu của NĐTNN tại CTCK. Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu chứng khoán, một số cổ phiếu vừa và nhỏ mang tính đầu cơ. Nhóm cổ phiếu Bluechips vốn hóa lớn hầu hết đều suy yếu, khi lực mua từ khối ngoại đang có xu hướng giảm sút. Diễn biến giảm của nhóm cổ phiếu lớn khiến VN-Index tiếp tục phiên giảm điểm, dù số lượng cổ phiếu tăng điểm khá lớn. Không chịu nhiều tác động của nhóm cổ phiếu lớn, chỉ số HNX-Index đảo chiều tăng điểm sau phiên giảm khá mạnh trước đó.

Chỉ số VN-Index đang trong xu hướng điều chỉnh giảm, phản ứng với ngưỡng cản của đường MA50 ngày. Với diễn biến tích cực hơn trong phiên chiều, chỉ số VN-Index đóng cửa vẫn giữ được mốc hỗ trợ 550 điểm. Tuy nhiên với thực tế động lực thị trường yếu, chúng tôi không kỳ vọng ngưỡng hỗ trợ 550 điểm đủ mạnh. Chỉ số VN-Index dự kiến sẽ tiếp tục kiểm định lực cầu tại ngưỡng hỗ trợ tiếp theo, khoảng 540 điểm, tương đương đường MA20.

Tại sàn HNX, với phiên tăng điểm này, HNX-Index đã bật lên từ ngưỡng hỗ trợ của trendline giảm giá ngắn hạn. Tuy nhiên thanh khoản toàn thị trường vẫn ở mức thấp, ngay cả tại nhóm cổ phiếu tăng điểm, cho thấy dòng tiền tham gia thị trường yếu. Chúng tôi cho rằng thời gian thị trường bật lên từ ngưỡng hỗ trợ của trendline không kéo dài, với ngưỡng cản gần nhất là đường MA 12 ngày, tương đương khoảng 75 điểm.

- Chỉ số VN-Index giảm 2.36 điểm (0.43%), xuống 551.10 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 548.47 điểm.

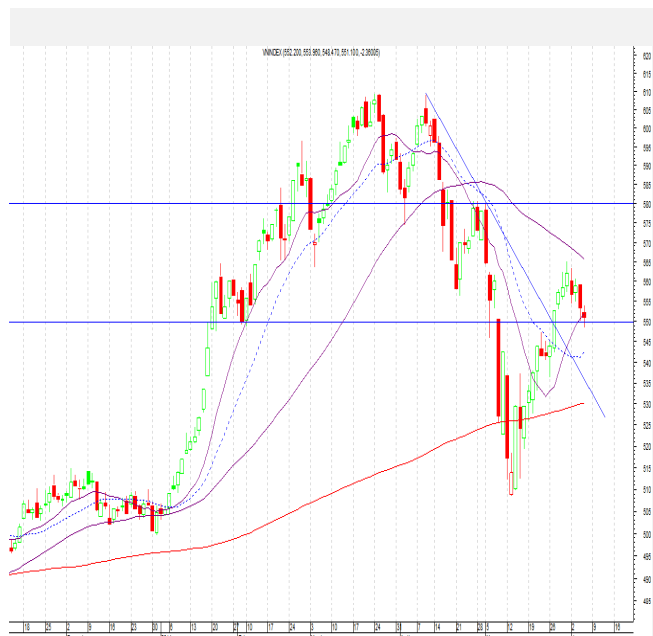
- Chỉ số HNX-Index tăng 0.59 điểm (0.81%), lên 74.50 điểm, sát mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất trong phiên là 73.46 điểm.

- Ngày mai 06/06/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh HOSE sẽ tổ chức diễn đàn Nâng cao tính thanh khoản cho TTCK. Một số chủ đề trọng tâm bàn luận là Tổng quan thị trường trong 5 tháng đầu năm 2014, những giải pháp HOSE đang triển khai để tăng tính thanh khoản cho thị trường, và các giải pháp cần triển khai nhằm phát triển TTCK trong thời gian tới. Thị trường đang xuất hiện tin đồn UBCKNN sẽ đề xuất áp dụng thử nghiệm trước về việc điều chỉnh tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại CTCK.

- Hôm nay Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) giữa kỳ 2014 được tổ chức tại Hà Nội với nhiều đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tham gia. Nhận định tại hội nghị, Thủ tướng Chính phủ cho biết Việt Nam vẫn đang trên đà phát triển, tăng trưởng. Lạm phát năm 2014 dự báo ở mức 5%, tăng trưởng kinh tế cũng dự đoán đạt mục tiêu 5,8%. Thủ tướng cam kết ổn định môi trường vĩ mô hỗ trợ doanh nghiệp, cũng như có các giải pháp hỗ trợ hiệu quả, nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển bền vững.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-INDEX



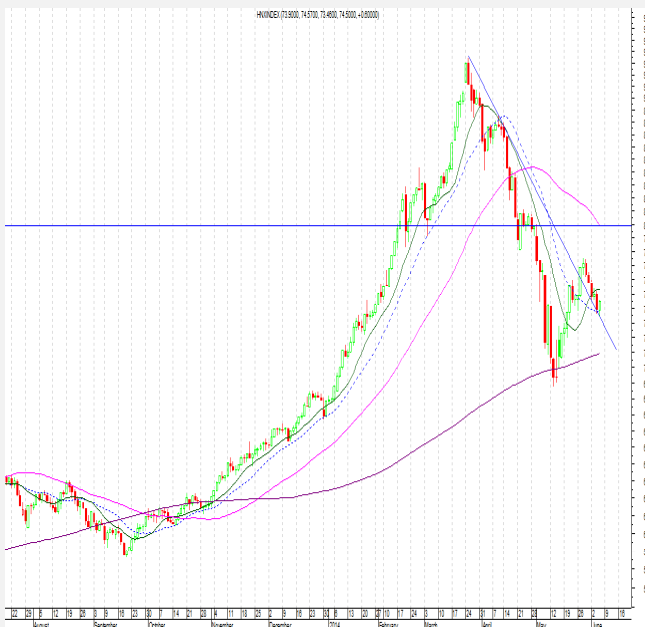
- Chỉ số VN-Index giảm 2.36 điểm (0.43%), xuống 551.10 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 548.47 điểm.

- KLGD giảm 20% so với phiên trước, xuống 53 triệu đơn vị, chỉ bằng một nửa mức bình quân 20 ngày.

**Nhận định:** Thị trường giao dịch âm đạm trong phiên giao dịch sáng, sôi động hơn trong phiên chiều, khi xuất hiện tin đồn UBCKNN có thể sớm áp dụng thử nghiệm tăng giới hạn sở hữu của NĐTNN tại CTCK. Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu chứng khoán, một số cổ phiếu vừa và nhỏ mang tính đầu cơ. Nhóm cổ phiếu Bluechips vốn hóa lớn hầu hết đều suy yếu, khi lực mua từ khối ngoại đang có xu hướng giảm sút. Diễn biến giảm của nhóm cổ phiếu lớn khiến VN-Index tiếp tục phiên giảm điểm, dù số lượng cổ phiếu tăng điểm khá lớn.

Thị trường đang trong xu hướng điều chỉnh giảm, phản ứng với ngưỡng cản của đường MA50 ngày. Chỉ số VN-Index đóng cửa vẫn giữ được mốc hỗ trợ 550 điểm trong phiên ngày hôm nay. Tuy nhiên với thực tế động lực thị trường yếu, chúng tôi không kỳ vọng ngưỡng hỗ trợ 550 điểm đủ mạnh. Chỉ số VN-Index dự kiến sẽ tiếp tục kiểm định lực cầu tại ngưỡng hỗ trợ tiếp theo, khoảng 540 điểm, tương đương đường MA20.

### HNX-INDEX



- Chỉ số HNX-Index tăng 0.59 điểm (0.81%), lên 74.50 điểm, sát mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất trong phiên là 73.46 điểm.

- KLGD giảm 38% so với phiên trước, xuống 33.5 triệu đơn vị, chỉ bằng một nửa mức bình quân 20 ngày.

**Nhận định:** Thị trường giao dịch âm đạm trong phiên giao dịch sáng, sôi động hơn trong phiên chiều, khi xuất hiện tin đồn UBCKNN có thể sớm áp dụng thử nghiệm tăng giới hạn sở hữu của NĐTNN tại CTCK. Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu chứng khoán, một số cổ phiếu vừa và nhỏ mang tính đầu cơ. Chỉ số HNX-Index đóng cửa tăng điểm, sau phiên giảm điểm mạnh trước đó.

Với phiên tăng điểm này, HNX-Index đã bật lên từ ngưỡng hỗ trợ của trendline giảm giá ngắn hạn. Tuy nhiên thanh khoản toàn thị trường vẫn ở mức thấp, ngay cả tại nhóm cổ phiếu tăng điểm, cho thấy dòng tiền tham gia thị trường yếu. Chúng tôi cho rằng thời gian thị trường bật lên từ ngưỡng hỗ trợ của trendline không kéo dài, với ngưỡng cản gần nhất là khoảng đường MA 12 ngày, tương đương khoảng 75 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ quan trọng cần quan tâm của HNX-Index là đường MA200 ngày, tương đương khoảng 70-71 điểm.

**TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q1.2014 CAO NHẤT**

| STT | Mã  | Sàn  | Doanh thu Q1 | % so Q1.2013 | LNST Q1 (tỷ) | % so Q1.2013 | EPS (đ) | BVPS (đ) | P/E   | P/B  | ROE (%) | Tỷ lệ SHNN (%) |
|-----|-----|------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------|----------|-------|------|---------|----------------|
| 1   | VNM | HOSE | 7,678.2      | 15.0%        | 1387.38      | -9.4%        | 7,667   | 22,553   | 15.65 | 5.32 | 36.38   | 49.00          |
| 2   | HPG | HOSE | 6,515.5      | 65.6%        | 870.36       | 90.5%        | 4,913   | 21,393   | 9.53  | 2.19 | 24.96   | 44.81          |
| 3   | PVD | HOSE | 4,322.5      | 36.0%        | 596.96       | 41.8%        | 7,789   | 37,609   | 10.40 | 2.15 | 21.69   | 40.03          |
| 4   | DPM | HOSE | 2,502.4      | -13.2%       | 381.31       | -45.9%       | 4,984   | 22,998   | 6.68  | 1.45 | 20.05   | 24.03          |
| 5   | FPT | HOSE | 10,867.3     | 26.2%        | 361.52       | 0.9%         | 4,687   | 22,024   | 8.85  | 1.88 | 22.47   | 49.00          |
| 6   | PVS | HNX  | 5,713.1      | 19.2%        | 266.33       | 1.5%         | 3,403   | 19,100   | 7.08  | 1.26 | 19.28   | 24.37          |
| 7   | REE | HOSE | 551.8        | 7.6%         | 231.73       | 110.5%       | 4,368   | 18,768   | 5.01  | 1.17 | 22.77   | 48.76          |
| 8   | PPC | HOSE | 2,165.8      | 21.8%        | 221.44       | -76.5%       | 2,857   | 17,657   | 6.97  | 1.13 | 17.03   | 12.67          |
| 9   | LAS | HNX  | 1,825.2      | -2.5%        | 150.32       | 1.1%         | 5,767   | 18,602   | 6.73  | 2.09 | 33.45   | 12.73          |
| 10  | HCM | HOSE | 226.5        | 50.8%        | 120.32       | 91.4%        | 2,688   | 18,443   | 9.30  | 1.36 | 15.36   | 49.00          |

**TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2014 SO CÙNG KỲ**

| STT | Mã  | Sàn  | Doanh thu Q1 | % so Q1.2013 | LNST Q1 (tỷ) | % so Q1.2013 | EPS (đ) | BVPS (đ) | P/E    | P/B  | ROE (%) | Tỷ lệ SHNN (%) |
|-----|-----|------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------|----------|--------|------|---------|----------------|
| 1   | PPI | HOSE | 20.5         | -8.2%        | 4.98         | 6125.0%      | 238     | 19,312   | 34.38  | 0.42 | 1.26    | 0.53           |
| 2   | FLC | HOSE | 360.3        | 69.7%        | 34.95        | 2630.5%      | 1,503   | 11,847   | 5.26   | 0.67 | 9.39    | 1.69           |
| 3   | LAF | HOSE | 94.3         | -3.0%        | 1.59         | 1490.0%      | 2,412   | 7,924    | 3.40   | 1.03 | 33.22   | 11.15          |
| 4   | TDH | HOSE | 78.7         | -6.9%        | 9.32         | 1094.9%      | 980     | 36,000   | 14.69  | 0.40 | 2.79    | 41.53          |
| 5   | POT | HNX  | 80.1         | 105.8%       | 0.83         | 937.5%       | 476     | 15,406   | 24.59  | 0.76 | 3.14    | 0.81           |
| 6   | SCR | HNX  | 331.9        | 64.9%        | 13.97        | 905.0%       | 53      | 15,055   | 132.05 | 0.46 | 0.35    | 0.53           |
| 7   | SHS | HNX  | 72.6         | 149.1%       | 72.4         | 732.2%       | 754     | 8,594    | 8.75   | 0.77 | 9.38    | 4.54           |
| 8   | ITQ | HNX  | 119.8        | 79.5%        | 3.35         | 532.1%       | 547     | 10,919   | 17.90  | 0.90 | 5.15    | 0.01           |
| 9   | DCS | HNX  | 21.9         | 19.8%        | 1.25         | 525.0%       | 128     | 10,271   | 32.89  | 0.41 | 1.19    | 0.15           |
| 10  | VIG | HNX  | 6.1          | 93.3%        | 2.42         | 450.0%       | 248     | 6,630    | 14.89  | 0.56 | 3.83    | 12.89          |

**TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG DOANH THU Q1.2014 SO CÙNG KỲ**

| STT | Mã  | Sàn  | Doanh thu Q1 | % so Q1.2013 | LNST Q1 (tỷ) | % so Q1.2013 | EPS (đ) | BVPS (đ) | P/E     | P/B  | ROE (%) | Tỷ lệ SHNN (%) |
|-----|-----|------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------|----------|---------|------|---------|----------------|
| 1   | ICG | HNX  | 37.8         | 9122.0%      | 3.52         | 314.6%       | 376     | 12,542   | 17.83   | 0.53 | 3.07    | 16.36          |
| 2   | PXL | HOSE | 2.3          | 3766.7%      | 0.04         | -33.3%       | (105)   | 10,183   | (29.52) | 0.30 | (1.04)  | 0.08           |
| 3   | PFL | HNX  | 7.6          | 3695.0%      | -1.83        | -18.1%       | (1,895) | 8,019    | (1.37)  | 0.32 | (21.13) | 0.13           |
| 4   | BGM | HOSE | 4.0          | 3554.5%      | 0.02         | 103.5%       | 34      | 10,193   | 108.06  | 0.36 | 0.33    | 0.22           |
| 5   | KHL | HNX  | 4.5          | 3114.3%      | 0.56         | 251.4%       | 179     | 9,981    | 15.05   | 0.27 | 1.77    | 2.16           |
| 6   | SHN | HNX  | 1.0          | 257.1%       | -1.44        | 46.7%        | 91      | 3,008    | 31.97   | 0.96 | 4.74    | 0.15           |
| 7   | KLS | HNX  | 113.2        | 228.4%       | 91.63        | 79.7%        | 948     | 14,075   | 9.49    | 0.64 | 7.13    | 6.07           |
| 8   | PV2 | HNX  | 0.3          | 222.2%       | -1.38        | 27.7%        | (3,596) | 6,647    | (0.70)  | 0.38 | (45.13) | 0.05           |
| 9   | PXS | HOSE | 357.2        | 188.6%       | 20.8         | 310.3%       | 2,090   | 12,854   | 7.65    | 1.24 | 16.06   | 11.30          |
| 10  | SBA | HOSE | 46.2         | 174.1%       | 8.43         | 286.7%       | 1,300   | 11,431   | 7.00    | 0.80 | 11.93   | 0.16           |

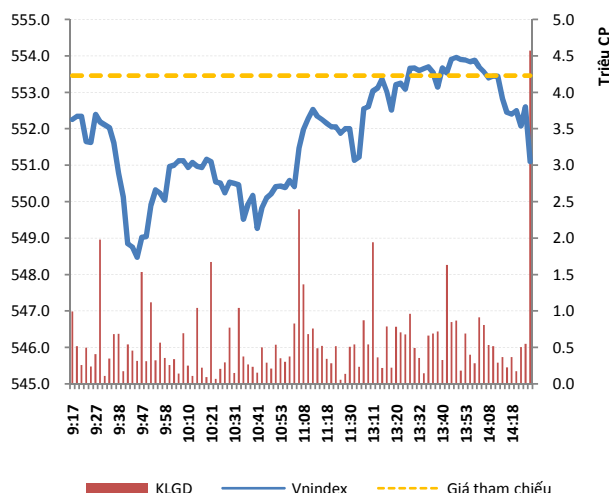
Ghi chú: Chỉ liệt kê các cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên gần nhất > 50.000 cổ phiếu.

Các chỉ số EPS, ROE tính theo 4 quý gần nhất. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 14/05/2014

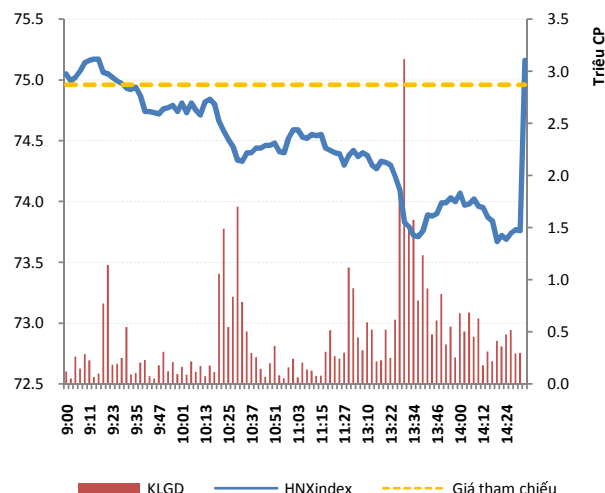


## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

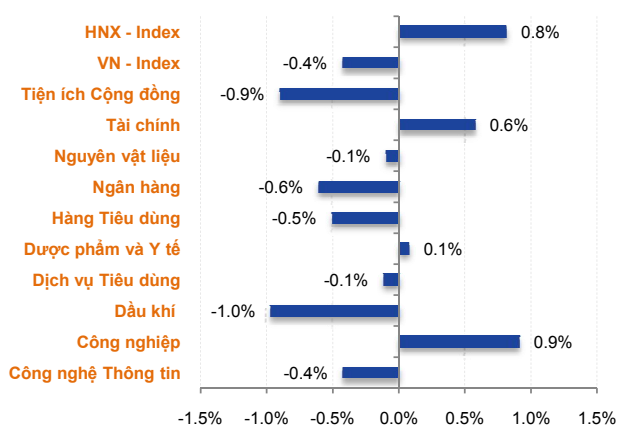
### KLGD và VN-Index trong phiên



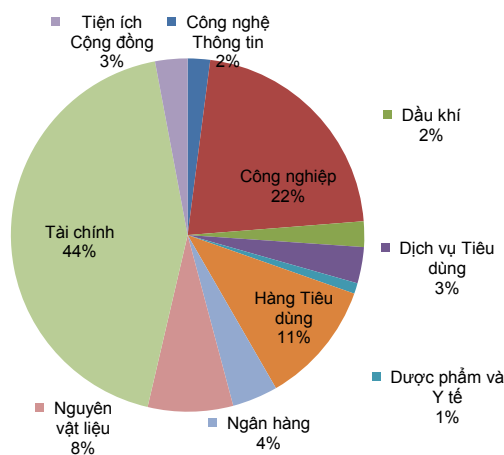
### KLGD và HNX-Index trong phiên



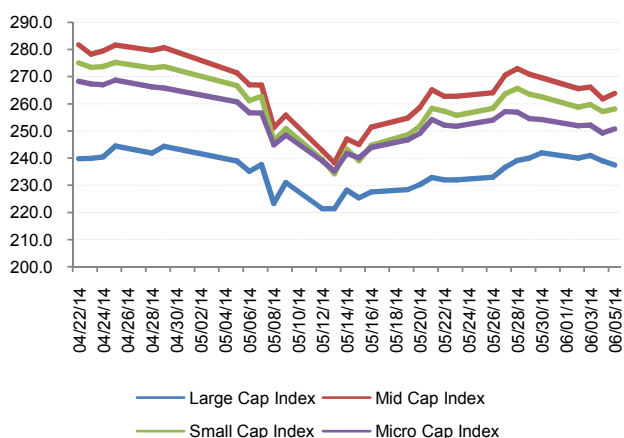
### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



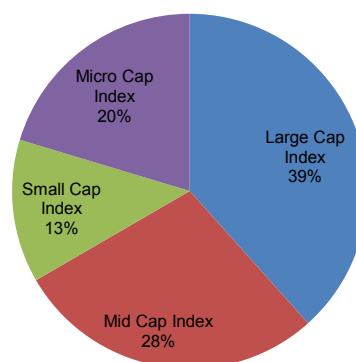
### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ  
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ  
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | ITA   | 411,740     | HAG   | 663,860     |
| 2  | HQC   | 300,000     | HAP   | 110,190     |
| 3  | KBC   | 183,950     | EIB   | 94,000      |
| 4  | GMD   | 153,300     | VCB   | 82,530      |
| 5  | HAR   | 150,260     | HBC   | 67,100      |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | KLS   | 307,160     | EFI   | 75,700      |
| 2  | FIT   | 218,500     | SHB   | 69,857      |
| 3  | VND   | 184,879     | IVS   | 60,400      |
| 4  | VCG   | 110,900     | VCR   | 50,041      |
| 5  | PVS   | 99,576      | EBS   | 27,400      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %       | KLGD       |
|-----|------------|----------|---------|------------|
| FLC | 9.9        | 10.5     | ↑ 6.06% | 13,450,600 |
| FCM | 11.7       | 12.5     | ↑ 6.84% | 4,365,480  |
| HQC | 6.4        | 6.5      | ↑ 1.56% | 3,212,170  |
| KSS | 5.3        | 5.6      | ↑ 5.66% | 2,683,570  |
| SSI | 22.8       | 23.3     | ↑ 2.19% | 2,544,370  |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %       | KLGD      |
|-----|------------|----------|---------|-----------|
| PVX | 4.9        | 5.2      | ↑ 6.12% | 5,733,019 |
| KLS | 10.4       | 10.7     | ↑ 2.88% | 3,862,540 |
| SCR | 7.9        | 8.1      | ↑ 2.53% | 3,075,700 |
| KLF | 10.5       | 10.6     | ↑ 0.95% | 2,854,600 |
| FIT | 13.3       | 13.7     | ↑ 3.01% | 2,432,900 |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| AAM | 14.3       | 15.3     | 1.0  | ↑ 6.99% |
| PTK | 4.3        | 4.6      | 0.3  | ↑ 6.98% |
| FCM | 11.7       | 12.5     | 0.8  | ↑ 6.84% |
| ICF | 4.4        | 4.7      | 0.3  | ↑ 6.82% |
| VCF | 147.0      | 157.0    | 10.0 | ↑ 6.80% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %         |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| SGH | 48.5       | 97.0     | 48.5 | ↑ 100.00% |
| KST | 7.1        | 7.9      | 0.8  | ↑ 11.27%  |
| DZM | 5.0        | 5.5      | 0.5  | ↑ 10.00%  |
| HBE | 4.0        | 4.4      | 0.4  | ↑ 10.00%  |
| MCO | 4.1        | 4.5      | 0.4  | ↑ 9.76%   |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| ALP | 4.3        | 4.0      | -0.3 | ↓ -6.98% |
| AGM | 13.0       | 12.1     | -0.9 | ↓ -6.92% |
| CTI | 13.0       | 12.1     | -0.9 | ↓ -6.92% |
| LGL | 4.5        | 4.2      | -0.3 | ↓ -6.67% |
| STG | 24.0       | 22.4     | -1.6 | ↓ -6.67% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %         |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| CAN | 34.0       | 30.6     | -3.4 | ↓ -10.00% |
| HAD | 41.0       | 37.0     | -4.0 | ↓ -9.76%  |
| INC | 6.5        | 5.9      | -0.6 | ↓ -9.23%  |
| SAF | 34.0       | 31.1     | -2.9 | ↓ -8.53%  |
| C92 | 10.0       | 9.2      | -0.8 | ↓ -8.00%  |

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| FLC | 13,450,600 | 9.4%  | 1,503 | 7.0  | 0.9 |
| FCM | 4,365,480  | 10.7% | 1,183 | 10.6 | 1.1 |
| HQC | 3,212,170  | 3.0%  | 320   | 20.3 | 0.6 |
| KSS | 2,683,570  | 1.7%  | 214   | 26.1 | 0.4 |
| SSI | 2,544,370  | 8.3%  | 1,235 | 18.9 | 1.5 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD      | ROE     | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|-----------|---------|---------|------|-----|
| PVX | 5,733,019 | -188.8% | (5,604) | -    | 2.6 |
| KLS | 3,862,540 | 7.1%    | 948     | 11.3 | 0.8 |
| SCR | 3,075,700 | 0.9%    | 137     | 59.2 | 0.5 |
| KLF | 2,854,600 | 16.2%   | 637     | 16.6 | 0.9 |
| FIT | 2,432,900 | 34.9%   | 3,399   | 4.0  | 1.6 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS    | P/E   | P/B |
|-----|--------|-------|--------|-------|-----|
| AAM | ↑ 7.0% | 3.7%  | 966    | 15.8  | 0.6 |
| PTK | ↑ 7.0% | 0.4%  | 43     | 107.9 | 0.4 |
| FCM | ↑ 6.8% | 10.7% | 1,183  | 10.6  | 1.1 |
| ICF | ↑ 6.8% | 1.8%  | 241    | 19.5  | 0.3 |
| VCF | ↑ 6.8% | 28.4% | 11,516 | 13.6  | 3.4 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%     | ROE   | EPS   | P/E    | P/B |
|-----|----------|-------|-------|--------|-----|
| SGH | ↑ 100.0% | 7.1%  | 916   | -      | 7.6 |
| KST | ↑ 11.3%  | 4.5%  | 782   | 10.1   | 0.5 |
| DZM | ↑ 10.0%  | 5.3%  | 841   | 6.5    | 0.3 |
| HBE | ↑ 10.0%  | -1.2% | (133) | (33.1) | 0.4 |
| MCO | ↑ 9.8%   | 0.7%  | 93    | 48.1   | 0.4 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua  | ROE  | EPS | P/E   | P/B |
|-----|---------|------|-----|-------|-----|
| ITA | 411,740 | 0.7% | 79  | 99.9  | 0.7 |
| HQC | 300,000 | 3.0% | 320 | 20.3  | 0.6 |
| KBC | 183,950 | 3.4% | 447 | 22.4  | 0.8 |
| GMD | 153,300 | 0.7% | 269 | 121.3 | 0.8 |
| HAR | 150,260 | 4.1% | 426 | 19.7  | 0.8 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| KLS | 307,160 | 7.1%  | 948   | 11.3 | 0.8 |
| FIT | 218,500 | 34.9% | 3,399 | 4.0  | 1.6 |
| VND | 184,879 | 11.8% | 1,450 | 9.7  | 1.1 |
| VCG | 110,900 | 8.3%  | 1,018 | 11.8 | 0.9 |
| PVS | 99,576  | 19.3% | 3,403 | 7.6  | 1.4 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| GAS | 184,763 | 33.4% | 5,936 | 16.4  | 5.2 |
| VNM | 103,346 | 36.4% | 7,667 | 16.2  | 5.5 |
| MSN | 71,286  | 2.2%  | 451   | 215.0 | 4.8 |
| VCB | 64,656  | 10.4% | 1,901 | 14.7  | 1.5 |
| VIC | 58,126  | 47.0% | 8,310 | 7.8   | 3.7 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 14,102  | 6.1%  | 839   | 18.5 | 1.1 |
| PVS | 11,525  | 19.3% | 3,403 | 7.6  | 1.4 |
| SQC | 8,602   | -2.4% | (295) | -    | 6.5 |
| SHB | 7,798   | 7.9%  | 912   | 9.7  | 0.7 |
| VCG | 5,301   | 8.3%  | 1,018 | 11.8 | 0.9 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE  | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------|------|-------|-------|-----|
| IDI | 2.52 | 6.7% | 1,014 | 11.1  | 0.7 |
| KMR | 2.46 | 5.0% | 592   | 10.1  | 0.5 |
| FLC | 2.41 | 9.4% | 1,503 | 7.0   | 0.9 |
| BGM | 2.38 | 0.3% | 34    | 122.7 | 0.4 |
| DLG | 2.35 | 2.2% | 257   | 29.9  | 0.7 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|------|--------|---------|-------|-----|
| SHN | 3.56 | 4.7%   | 91      | 49.6  | 1.5 |
| SVN | 3.19 | -4.3%  | (438)   | -     | 0.7 |
| ORS | 2.92 | -83.9% | (4,851) | -     | 1.0 |
| TTZ | 2.70 | 0.1%   | 10      | 425.9 | 0.4 |
| VIG | 2.65 | 3.8%   | 248     | 17.7  | 0.7 |



---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm  
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết  
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4)-3818 1888  
Fax: (84-4)-3818 1688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn  
Thái Bình, Quận I  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà  
Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779

---

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Người thực hiện:*

**Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:nguyet.dta@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)*